

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS-PT

Ngày: 13 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Lạc

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST, ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 183/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chùa A; địa chỉ: xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L – Chức vụ: Trụ trì cơ sở thờ tự Chùa A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Minh H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền ngày 01/3/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Nguyệt C, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Nguyệt C có: Bà Dương Thùy T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 183, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: Số 53/83,

khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền ngày 29/3/2019). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Thu H2, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Xin vắng mặt.

- *Do có kháng cáo của:* Đặng Nguyệt C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2019 và đơn khởi kiện (sửa đổi bổ sung) ngày 13/3/2019, người đại diện Chùa A trình bày:*

Chùa A là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trước đây, Chùa A có cho hộ ông Đặng Nguyệt C ở nhờ trên thửa đất số 418 của Chùa A. Do hiện nay Nhà Chùa đã xuống cấp, diện tích không đủ để đón tiếp Phật tử nên Chùa A có yêu cầu ông C di nhà trả lại đất cho Chùa nhằm mở rộng diện tích Chùa, thuận tiện sinh hoạt tôn giáo, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của đông đảo Phật tử nhưng ông C không đồng ý. Sau đó, Chùa A có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long hòa giải vụ việc. Tại buổi hòa giải ông C đồng ý trả lại đất cho Chùa A nhưng ông C yêu cầu Chùa A phải bồi thường giá trị tài sản của ông là căn nhà và một số cây trồng với số tiền là 350.000.000đ. Do không có khả năng nên Chùa A chỉ đồng ý bồi thường cho ông C số tiền 150.000.000đ. Vì vậy nên các bên không thỏa thuận được.

Nay Chùa A khởi kiện yêu cầu hộ ông C (gồm ông C và bà Thu H2) phải di dời tài sản của hộ ông C (gồm nhà ở và một số cây trồng) đi nơi khác, để trả lại cho Chùa A phần đất diện tích 185 m² thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do Chùa A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đồng thời, yêu cầu ông C phải di dời bia mộ và hủ cốt mà ông C tự ý khởi đất của Chùa A (phần bia mộ và hủ cốt không nằm trong phần đất 185 m² đang tranh chấp).

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/10/2019, Chùa A yêu cầu: Chùa A yêu cầu hộ ông C phải di dời tài sản của ông C (gồm nhà ở và một số cây trồng) đi nơi khác, để trả lại cho Chùa A phần đất diện tích 214,7m² thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chùa A đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho hộ ông C số tiền 20.000.000đ.

Chùa A rút yêu cầu về việc ông C phải di dời bia mộ và hủ cốt mà ông C tự ý chôn cất khỏi đất của Chùa A.

Trường hợp ông C giao toàn bộ tài sản của ông C cho Chùa A thì Chùa A đồng ý bồi thường giá trị tài sản cho ông C theo giá đã định giá.

- Tại đơn phản tố ngày 18/11/2019, bị đơn ông Đặng Nguyệt C cùng người đại diện của ông C trình bày:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha ông là ông Đặng Chơn Lý pháp danh Thích Ngộ Lý trụ trì Chùa A trước đây. Cha của ông, gia đình ông đã quản lý, canh tác, cải tạo và sử dụng phần đất này từ năm 1965 và hàng năm điều hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Căn nhà trên phần đất tranh chấp do cha ông cất từ năm 1965. Năm 1991 cha ông chết, do nhà xuống cấp nên mẹ ông đã cất lại. Năm 2013 thì căn nhà không còn ở được nữa nên ông đã cất lại. Năm 2014 thì mẹ ông chết và từ đó đến nay căn nhà do ông và vợ của ông là bà H2 ở.

Nay ông C yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng phần đất diện tích 214,7m² thuộc chiết thửa 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do Chùa A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông và vì hiện nay ông không có chỗ ở nào khác.

Trường hợp không công nhận cho ông được quyền sử dụng đất thì ông C đồng ý giao toàn bộ tài sản của ông C cho Chùa A và yêu cầu Chùa A phải bồi thường giá trị tài sản cho ông số tiền 400.000.000đ.

- Tại bản khai nêu ý kiến ngày 11 tháng 6 năm 2019, bà Lê Thị Thu H2 trình bày: Bà H2 thống nhất với ý kiến của ông C và không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã xử:

Căn cứ vào các Điều 157, 161, 165 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 494, 497, 498 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 105, 166, 170, 173, 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa A. Buộc hộ ông Đặng Nguyệt C (gồm ông Đặng Nguyệt C và bà Lê Thị Thu H2) phải có nghĩa vụ trả lại cho Chùa A phần đất diện tích 214,7m² (thửa 418-2) thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do Chùa A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vị trí, hình thể phần đất 214,7m² (thửa 418-2) hộ ông Đặng Nguyệt C có nghĩa vụ trả lại cho Chùa A gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 1.

2. Công nhận cho Chùa A được quyền sở hữu toàn bộ tài sản (gồm 01 căn nhà ở, 01 cây Bưởi, 01 cây Xoài và 01 cây Đu Đủ) có trên phần đất 214,7m² (thửa 418-2).

(Kèm theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít ký ngày 09/7/2019)

3. Buộc Chùa A có nghĩa vụ bồi thường cho hộ ông Đặng Nguyệt C tổng số tiền là 180.982.888đ (một trăm tám chục triệu chín trăm tám mươi hai ngàn tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết việc Chùa A yêu cầu ông Đặng Nguyệt C phải di dời bia mộ và hủ cốt (bia mộ và hủ cốt không nằm trong thửa đất số 418-2).

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Nguyệt C về việc ông yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng phần đất diện tích 214,7m² (thửa 418-2) thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do Chùa A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2020 ông Đặng Nguyệt C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận phần đất có diện tích 214,7m² thuộc chiết thửa số 418-2, tờ bản đồ số 09 có tổng diện tích 7.543,7m² trên đất có căn nhà gạch tôi xây cất năm 2014, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông C vì hiện tại ngoài căn nhà này ra gia đình ông C không còn chỗ ở nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chùa A do bà Trương Thị Minh H1 làm đại diện cùng với ông Đặng Nguyệt C thỏa thuận như sau:

+ Hộ ông Đặng Nguyệt C (gồm ông Đặng Nguyệt C và bà Lê Thị Thu H2) đồng ý trả lại cho Chùa A phần đất diện tích 214,7m² (thửa 418-2) thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và đồng ý giao tài sản gắn liền trên phần đất gồm 01 căn nhà ở, 01 cây Bưởi, 01 cây Xoài và 01 cây Đu Đủ cho Chùa A sử dụng. Chùa A đồng ý bồi thường giá trị tài sản gồm 01 căn nhà ở, 01 cây Bưởi, 01 cây Xoài và 01 cây Đu Đủ và hỗ trợ chi phí di dời cho hộ

ông Đặng Nguyệt C số tiền tổng cộng bằng 270.000.000đ (hai trăm bảy chục triệu đồng).

+ Hộ ông Đặng Nguyệt C đồng ý giao đất và tài sản trên đất cho Chùa A vào ngày 28/12/2020 và Chùa A đồng ý giao tiền cho hộ ông Đặng Nguyệt C hai lần: Lần 1 ngày 28/8/2020 giao 200.000.000đ và lần 2 ngày 28/12/2020 giao 70.000.000đ.

+ Về án phí sơ thẩm, các đương sự thỏa thuận mỗi bên sẽ nộp theo quy định của pháp luật.

+ Về chi phí thẩm định: Hộ ông Đặng Nguyệt C nộp 2.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả cho Chùa A.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ông Đặng Nguyệt C phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 08/5/2020, đến ngày 21/5/2020 ông Đặng Nguyệt C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông Đặng Nguyệt C còn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ, nên thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận với nhau về những vấn đề giải quyết vụ án, cụ thể như sau: 1/ Hộ ông Đặng Nguyệt C (gồm ông Đặng Nguyệt C và bà Lê Thị Thu H2) đồng ý trả lại cho Chùa A phần đất diện tích 214,7m² (thửa 418-2) thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và đồng ý giao tài sản gắn liền trên phần đất gồm 01 căn nhà ở, 01 cây Bưởi, 01 cây Xoài và 01 cây Đu Đủ cho Chùa A sử dụng. Chùa A đồng ý bồi thường giá trị tài sản gồm 01 căn nhà ở, 01 cây Bưởi, 01 cây Xoài và 01 cây Đu Đủ và hỗ trợ chi phí di dời cho hộ ông Đặng Nguyệt C số tiền tổng cộng là 270.000.000đ (hai trăm bảy chục triệu đồng); 2/ Hộ ông Đặng Nguyệt C đồng ý giao đất và tài sản trên đất cho Chùa A vào ngày 28/12/2020 và Chùa A đồng ý

giao tiền cho hộ ông Đặng Nguyệt C hai lần: Lần 1 ngày 28/8/2020 giao 200.000.000đ và lần 2 ngày 28/12/2020 giao 70.000.000đ.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định của pháp luật. Nên theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng chi phí là 2.500.000đ. Ông Đặng Nguyệt C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí là 2.500.000đ, do Chùa A đã nộp tạm ứng nên buộc ông Đặng Nguyệt C nộp 2.500.000đ để hoàn trả cho Chùa A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đại diện Chùa A và ông Đặng Nguyệt C tự nguyện nộp án phí theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì án phí các đương sự phải chịu được xác định như sau:

- Chùa A phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho hộ ông Đặng Nguyệt C là $5\% \times 270.000.000\text{đ} = 13.500.000\text{đ}$ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Đặng Nguyệt C phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu công nhận đất không được chấp nhận là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đặng Nguyệt C phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Hộ ông Đặng Nguyệt C (gồm ông Đặng Nguyệt C và bà Lê Thị Thu H2) đồng ý trả lại cho Chùa A phần đất diện tích 214,7m² (thửa 418-2) thuộc chiết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 09, diện tích 7543,7m², loại đất cơ sở tôn giáo, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, đất do Chùa A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng ý giao tài sản gắn liền trên đất gồm

01 căn nhà ở, 01 cây bưởi, 01 cây xoài và 01 cây đu đủ cho Chùa A được quyền sở hữu, sử dụng.

(Kèm theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít ký ngày 09/7/2019).

1.2. Chùa A đồng ý bồi thường giá trị tài sản gồm căn nhà ở, 01 cây bưởi, 01 cây xoài và 01 cây đu đủ và hỗ trợ chi phí di dời cho hộ ông Đặng Nguyệt C số tiền tổng cộng là 270.000.000đ (hai trăm bảy chục triệu đồng).

1.3. Hộ ông Đặng Nguyệt C (gồm ông Đặng Nguyệt C và bà Lê Thị Thu H2) đồng ý giao đất và tài sản trên đất cho Chùa A vào ngày 28/12/2020 và Chùa A đồng ý giao tiền cho hộ ông Đặng Nguyệt C hai lần: Lần 1 ngày 28/8/2020 giao 200.000.000đ (hai trăm ngàn đồng) và lần 2 ngày 28/12/2020 giao 70.000.000đ (bảy chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Hộ ông Đặng Nguyệt C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí là 2.500.000đ, do Chùa A đã nộp tạm ứng nên buộc ông Đặng Nguyệt C nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả cho Chùa A.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chùa A phải chịu số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 0006910 ngày 13/3/2019 và biên lai thu số 0007283 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Chùa A còn phải nộp tiếp 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hộ ông Đặng Nguyệt C (gồm ông Đặng Nguyệt C và bà Lê Thị Thu H2) phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Đặng Nguyệt C đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007291 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Hộ ông Đặng Nguyệt C đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Nguyệt C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002835 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Ông Đặng Nguyệt C đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND huyện Mang Thít: 01;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít: 01;
- Các đương sự: 05;
- Tổ HC-TP và TDS TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Lưu hồ sơ: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐẶNG VĂN LỘC